

Số: ~~158~~ /QĐ-UBND

Kbang, ngày 08 tháng 10 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v tuyên dương, khen thưởng học sinh  
tiêu biểu trúng tuyển Đại học năm 2021**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN**

*Căn cứ Điều 29 Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015;*

*Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng;*

*Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ “Quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Thi đua, khen thưởng” và các văn bản hướng dẫn thi hành;*

*Căn cứ Quyết định số 33/2018/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh “Về việc ban hành Quy định về thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh”;*

*Căn cứ Quyết định số 430/QĐ-UBND ngày 13/5/2016 của UBND huyện “Ban hành quy định về tiêu chuẩn khen thưởng đối với học sinh, vận động viên, tập thể (đối với môn tập thể) đạt thành tích cao trong học tập, hoạt động phong trào văn hóa, TDTT; học sinh trúng tuyển đại học và giáo viên, huấn luyện viên bồi dưỡng học sinh, vận động viên đạt thành tích cao trong học tập, phong trào văn hóa, TDTT”;*

*Xét đề nghị của Hội Khuyến học tại Tờ trình số 09/TTr-HKH ngày 05/10/2021 “V/v đề nghị khen thưởng đối với học sinh trúng tuyển đại học năm 2021” và theo đề nghị của Trưởng phòng Nội vụ.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Tuyên dương, khen thưởng 84 học sinh tiêu biểu đã xuất sắc trúng tuyển Đại học năm 2021 (có danh sách kèm theo).

**Điều 2.** Kinh phí khen thưởng từ nguồn kinh phí khen thưởng tập trung của huyện năm 2021, tiền thưởng thực hiện theo chế độ quy định hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND-UBND huyện; Trưởng phòng Nội vụ; Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch; Chủ tịch Hội Khuyến học huyện; thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *Ký*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, VP, NV. *ll*

**CHỦ TỊCH**



*Nguyễn Văn Dũng*



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH SÁCH HỌC SINH TIÊU BIỂU TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC NĂM 2021**

(Kèm theo Quyết định số 1587 /QĐ-UBND, ngày 08 tháng 10 năm 2021 của UBND huyện)

| TT | Họ và tên sinh viên    | Địa chỉ                      | Trúng tuyển vào trường                      | Điểm  | Nơi học THPT                                        |
|----|------------------------|------------------------------|---------------------------------------------|-------|-----------------------------------------------------|
| 1  | Phạm Ngọc Thạch        | Tổ dân phố 5, thị trấn Kbang | Học viện An ninh - Hà Nội                   | 28,9  | Trường TH-THCS- THPT Lê Thánh Tông, TP. Hồ Chí Minh |
| 2  | Hà Thanh Loan          | Tổ dân phố 8, thị trấn Kbang | Đại học Cảnh sát Nhân dân                   | 28,35 | TH-THCS- THPT Lê Thánh Tông, TPHCM                  |
| 3  | Hà Thị Thủy Tiên       | Làng Đăk Bok, xã Krong       | Đại học Vinh                                | 28,25 | Trường THPT Thái Lão TP Vinh, tỉnh Nghệ An          |
| 4  | Thái Thanh Tài         | Tổ dân phố 2, thị trấn Kbang | Trường Sĩ quan Chính trị - Hà Nội           | 28,25 | Trường THPT Lương Thế Vinh                          |
| 5  | Phan Ngọc Cát Tường    | Tổ dân phố 7, thị trấn Kbang | Đại học Ngoại thương TP. Hồ Chí Minh        | 28,05 | Trường THPT Chi Lăng TP.Pleiku                      |
| 6  | Lê Thủy Nguyên         | Thôn 4, xã Đăk Hlơ           | Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh             | 27,8  | Trường THPT Anh Hùng Núp                            |
| 7  | Nguyễn Thị Kim Anh     | xã Sơn Lang                  | Đại học Sư phạm Hà Nội                      | 27,75 | Trường THCS &THPT Kon Hà Nừng                       |
| 8  | Nguyễn Hữu Tài         | Tổ dân phố 6, thị trấn Kbang | Đại học Kinh tế - Tài chính TP. Hồ Chí Minh | 27,6  | Trường THPT Lương Thế Vinh                          |
| 9  | Nguyễn Thị Quỳnh Trang | Tổ dân phố 5, thị trấn Kbang | Đại học Kinh tế Quốc dân- Hà Nội            | 27,5  | Trường THPT Lương Thế Vinh                          |
| 10 | Trần Thảo Linh         | Tổ dân phố 7, thị trấn Kbang | Đại học Y Huế                               | 27,45 | Trường THPT Chi Lăng TP.Pleiku                      |
| 11 | Nguyễn Phương Uyên     | Tổ dân phố 4, thị trấn Kbang | Đại học Kinh tế - Luật TP, Hồ Chí Minh      | 27,05 | Trường THPT Lương Thế Vinh                          |

|    |                      |                               |                                                     |       |                                                     |
|----|----------------------|-------------------------------|-----------------------------------------------------|-------|-----------------------------------------------------|
| 12 | Nguyễn Võ Uyên Thảo  | Tổ dân phố 2, thị trấn Kbang  | Đại học Kinh tế - TP, Hồ Chí Minh                   | 27,05 | Trường THPT Chi Lăng TP.Pleiku                      |
| 13 | Nguyễn Thị Yên Nhi   | Tổ dân phố 6, thị trấn Kbang  | Đại học Y dược - TP. Hồ Chí Minh                    | 27    | Trường TH-THCS- THPT Lê Thánh Tông, TP. Hồ Chí Minh |
| 14 | Lê Hoàng Phương Thảo | Tổ dân phố 6, thị trấn Kbang  | Đại học Kinh tế - Luật TP. Hồ Chí Minh              | 27    | Trường THPT Chi Lăng TP.Pleiku                      |
| 15 | Vũ Thị Minh Huyền    | Tổ dân phố 7, thị trấn Kbang  | Đại học Y dược TP.Hồ Chí Minh                       | 27    | Trường TH-THCS- THPT Lê Thánh Tông, TP. Hồ Chí Minh |
| 16 | Nguyễn Tấn Nam       | Tổ dân phố 10, thị trấn Kbang | Đại học Kinh tế - TP. Hồ Chí Minh                   | 26,95 | Trường TH-THCS- THPT Lê Thánh Tông, TP. Hồ Chí Minh |
| 17 | Lê Quốc Hoàng        | Tổ dân phố 2, thị trấn Kbang  | Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch                      | 26,95 | Trường TH-THCS- THPT Lê Thánh Tông, TP. Hồ Chí Minh |
| 18 | Nguyễn Hải Huy       | Tổ dân phố 6, thị trấn Kbang  | Đại học Cảnh sát Nhân dân                           | 26,95 | Trường TH-THCS- THPT Lê Thánh Tông, TP. Hồ Chí Minh |
| 19 | Nguyễn Thị Thùy Linh | Tổ dân phố 9, thị trấn Kbang  | Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh                     | 26,85 | Trường TH-THCS- THPT Lê Thánh Tông, TP. Hồ Chí Minh |
| 20 | Ngô Viết Thịnh       | Tổ dân phố 7, thị trấn Kbang  | Đại học Cảnh sát nhân dân                           | 26,85 | Trường THPT DTNT Tây Nguyên, tỉnh Đắk Lắk           |
| 21 | Thái Minh Khánh      | Tổ dân phố 2, thị trấn Kbang  | Đại học Y - Dược Phạm Ngọc Thạch TP. Hồ Chí Minh    | 26,7  | Trường TH-THCS- THPT Lê Thánh Tông, TP. Hồ Chí Minh |
| 22 | Lê Hiếu Nghĩa        | Tổ dân phố 7, thị trấn Kbang  | Đại học Cảnh sát Nhân dân                           | 26,65 | Trường THCS-THPT Nguyễn Khuyến TP. Hồ Chí Minh      |
| 23 | Võ Thị Thùy Dung     | Tổ dân phố 13, thị trấn Kbang | Đại học Sư phạm - TP. Hồ Chí Minh                   | 26,5  | Trường THPT Lương Thế Vinh                          |
| 24 | Phan Thị Hoàng Diễm  | Tổ dân phố 9, thị trấn Kbang  | Đại học ngân hàng - TP. Hồ Chí Minh                 | 26,5  | Trường THPT Lương Thế Vinh                          |
| 25 | Hồ Sĩ Trung          | Tổ dân phố 6, thị trấn Kbang  | Trường Sĩ quan Chính trị - Hà Nội                   | 26,5  | Trường THPT Lương Thế Vinh                          |
| 26 | Võ Thị Thu Nguyệt    | Thôn Jao, xã Kông Bơ La       | Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn TP. Hồ Chí Minh | 26,5  | Trường THPT Anh Hùng Núp                            |

|    |                       |                               |                                               |       |                                                     |
|----|-----------------------|-------------------------------|-----------------------------------------------|-------|-----------------------------------------------------|
| 27 | Phùng Thu Phương      | Tổ dân phố 7, thị trấn Kbang  | Đại học Kinh tế - Luật TP. Hồ Chí Minh        | 26,4  | Trường THPT Lương Thế Vinh                          |
| 28 | Nguyễn Thành An       | Tổ dân phố 7, thị trấn Kbang  | Đại học Công nghệ thông tin - TP. Hồ Chí Minh | 26,3  | Trường TH-THCS- THPT Lê Thánh Tông, TP. Hồ Chí Minh |
| 29 | Ngô Tiến Anh          | Tổ dân phố 4, thị trấn Kbang  | Đại học Cảnh sát Nhân dân                     | 26,25 | Trường THPT Lương Thế Vinh                          |
| 30 | Nguyễn Tất Thanh An   | Tổ dân phố 2, thị trấn Kbang  | Đại học Bách Khoa - Đại học Đà Nẵng           | 26,24 | Trường THPT Lương Thế Vinh                          |
| 31 | Nguyễn Thị Diễm Quỳnh | Tổ dân phố 7, thị trấn Kbang  | Đại học Tôn Đức Thắng                         | 26,1  | Trường THPT Lương Thế Vinh                          |
| 32 | Lê Tuấn Anh           | Thôn 1, xã Đăk Hlơ            | Đại học Ngoại thương TP. Hồ Chí Minh          | 26,1  | Trường THPT Anh Hùng Núp                            |
| 33 | Nguyễn Thị Thùy Giang | Tổ dân phố 1, thị trấn Kbang  | Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng             | 26,05 | Trường THPT Lương Thế Vinh                          |
| 34 | Bùi Thị Hải Yến       | Tổ dân phố 8, thị trấn Kbang  | Đại học Kinh Tế - Đà Nẵng                     | 26    | Trường THPT Lương Thế Vinh                          |
| 35 | Cao Thị Thu Hằng      | Thôn 2, xã Đông               | Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh               | 25,85 | Trường THPT Lương Thế Vinh                          |
| 36 | Trần Thị Trà My       | Thôn 6, xã Kông Bơ La         | Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh             | 25,75 | Trường THPT Anh Hùng Núp                            |
| 37 | Trần Anh Thoại        | Làng Đồng Tâm, xã Tơ Tung     | Đại học Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh           | 25,75 | Trường THPT Anh Hùng Núp                            |
| 38 | Đào Thị Cẩm Nhung     | Tổ dân phố 11, thị trấn Kbang | Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng           | 25,7  | Trường THPT Lương Thế Vinh                          |
| 39 | Nguyễn Công An        | Thôn 5, xã Đông               | Học viện Kỹ thuật Mật mã                      | 25,7  | Trường THPT Lương Thế Vinh                          |
| 40 | Nguyễn Thị Lợi        | Thôn 2, xã Nghĩa An           | Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng           | 25,7  | Trường THPT Lương Thế Vinh                          |
| 41 | Võ Thị Ngọc Trâm      | Thôn 2, Xã Sơ Pai             | Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng           | 25,65 | Trường THPT Lương Thế Vinh                          |

|    |                       |                               |                                                     |       |                                 |
|----|-----------------------|-------------------------------|-----------------------------------------------------|-------|---------------------------------|
| 42 | Nguy Thị Tú Anh       | Làng Sing, xã Krong           | Đại học Ngân hàng - TP. Hồ Chí Minh                 | 25,55 | Trường THPT Chi Lăng TP. Pleiku |
| 43 | Nguyễn Thị Thùy Trang | Thôn 2, xã Đông               | Đại học Kinh tế - Đà Nẵng                           | 25,45 | Trường THPT Lương Thế Vinh      |
| 44 | Trần Thị Trương Quyên | Tổ dân phố 13, thị trấn Kbang | Học viện Chính sách và Phát triển Hà Nội            | 25,45 | Trường THPT Lương Thế Vinh      |
| 45 | Lê Anh Thư            | Tổ dân phố 6, thị trấn Kbang  | Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn TP. Hồ Chí Minh | 25,35 | Trường THPT Lương Thế Vinh      |
| 46 | Trần Thị Khánh Hạ     | Thôn 5, Xã Đông               | Đại học Đông Á - Đà Nẵng                            | 25,25 | Trường THPT Lương Thế Vinh      |
| 47 | Cao Thị Diễm Thương   | Thôn 1, xã Nghĩa An           | Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng                   | 25,25 | Trường THPT Lương Thế Vinh      |
| 48 | Hứa Thị Nhân          | Làng Kdâu, xã Kông LongKhang  | Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn TP. Hồ Chí Minh | 25,25 | Trường THPT Anh Hùng Núp        |
| 49 | Lê Thị Thu Hà         | Tổ dân phố 13, thị trấn Kbang | Đại học Kinh tế- TP, Hồ Chí Minh                    | 25,15 | Trường THPT Lương Thế Vinh      |
| 50 | Lê Thị Thùy Dung      | Tổ dân phố 8, thị trấn Kbang  | Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh                     | 25,05 | Trường THPT Lương Thế Vinh      |
| 51 | Nguyễn Thị Lệ Thủy    | Thôn 3, xã Đông               | Đại học Kỹ thuật Y-Dược Đà Nẵng                     | 25,05 | Trường THPT Lương Thế Vinh      |
| 52 | Nguyễn Ngọc Dương     | Tổ dân phố 10, thị trấn Kbang | Đại học An ninh Nhân dân                            | 25,05 | Trường THPT Lương Thế Vinh      |
| 53 | Võ Minh Trí           | Tổ dân phố 8, thị trấn Kbang  | Đại học Kinh tế -Luật TP. Hồ Chí Minh               | 25    | Trường THPT Lương Thế Vinh      |
| 54 | Nguyễn Phan Yến Ngọc  | Tổ dân phố 10, thị trấn Kbang | Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh                   | 24,95 | Trường THPT Lương Thế Vinh      |
| 55 | Đặng Thị Kiều Anh     | Tổ dân phố 11, thị trấn Kbang | Đại học ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng                 | 24,8  | Trường THPT Lương Thế Vinh      |
| 56 | Võ Trà My             | Tổ dân phố 2, thị trấn Kbang  | Đại học Tài chính- Marketing TP. Hồ Chí Minh        | 24,8  | Trường THPT Lương Thế Vinh      |

|    |                        |                                  |                                             |       |                            |
|----|------------------------|----------------------------------|---------------------------------------------|-------|----------------------------|
| 57 | Lê Thị Bích Triều      | Làng Lọt, xã Đăk Hlơ             | Đại học Huế                                 | 24,75 | Trường THPT Anh Hùng Núp   |
| 58 | Nguyễn Thị Huệ         | Thôn 1, xã Đông                  | Đại học Sài Gòn                             | 24,7  | Trường THPT Lương Thế Vinh |
| 59 | Chu Thị Thanh Huyền    | Làng Bờ Ngải, xã Kông Long Khong | Đại học Tài chính Marketing TP. Hồ Chí Minh | 24,65 | Trường THPT Lương Thế Vinh |
| 60 | Nguyễn Thị Thanh Ngân  | Làng Lọt, xã Nghĩa An            | Đại học Kinh tế Đà Nẵng                     | 24,65 | Trường THPT Lương Thế Vinh |
| 61 | Nguyễn Hoàng Anh Quốc  | Tổ dân phố 6, thị trấn Kbang     | Đại học Bách khoa - Đại học Đà Nẵng         | 24,55 | Trường THPT Lương Thế Vinh |
| 62 | Nguyễn Thị Ngọc Trang  | Thôn 4, xã Đông                  | Đại học Kỹ thuật Y-Dược Đà Nẵng             | 24,5  | Trường THPT Lương Thế Vinh |
| 63 | Hoàng Thị Điệp         | Làng Long Khong, xã Tơ Tung      | Đại học Quy Nhơn                            | 24,5  | Trường THPT Anh Hùng Núp   |
| 64 | Đàm Thị Quỳnh Như      | Làng Đê Ba, xã Tơ Tung           | Đại học Quy Nhơn                            | 24,25 | Trường THPT Anh Hùng Núp   |
| 65 | Nguyễn Thị Ánh Vân     | Tổ dân phố 1, thị trấn Kbang     | Đại học Bách khoa - Đại học Đà Nẵng         | 24,2  | Trường THPT Lương Thế Vinh |
| 66 | Nguyễn Thị Huyền Trang | Tổ dân phố 5, thị trấn Kbang     | Đại học Mở - TP. Hồ Chí Minh                | 24,2  | Trường THPT Lương Thế Vinh |
| 67 | Phan Thị Thanh Tính    | Tổ dân phố 2, thị trấn Kbang     | Đại học Công Nghiệp TP. Hồ Chí Minh         | 24,2  | Trường THPT Lương Thế Vinh |
| 68 | Nguyễn Thị Cẩm Nhi     | Tổ dân phố 8, thị trấn Kbang     | Đại học Bách khoa - Đại học Đà Nẵng         | 24,15 | Trường THPT Lương Thế Vinh |
| 69 | Hồ Thị Thanh Thảo      | Thôn 4, xã Đăk Hlơ               | Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh                | 24,1  | Trường THPT Anh Hùng Núp   |
| 70 | Nông Thị Đẹp           | Làng Cao Sơn, xã Tơ Tung         | Đại học Luật - Huế                          | 24    | Trường THPT Lương Thế Vinh |
| 71 | Trần Văn Lâm           | Tổ dân phố 12, thị trấn Kbang    | Đại học Ngoại ngữ - Tin học TP. Hồ Chí Minh | 24    | Trường THPT Lương Thế Vinh |

|    |                  |                                        |                    |       |                          |
|----|------------------|----------------------------------------|--------------------|-------|--------------------------|
| 72 | Vi Thị Biên Thùy | Làng Đầm, xã Tơ Tung                   | Đại học Quy Nhơn   | 23,5  | Trường THPT Anh Hùng Núp |
| 73 | Đinh Thị Nga     | Làng Briêng, xã Kông Bơ La             | Đại học Tây Nguyên | 23,25 | Trường THPT Anh Hùng Núp |
| 74 | Đinh Thị Thân    | Làng Đê Bar, xã Tơ Tung                | Đại học Văn Lang   | 23    | Trường THPT Anh Hùng Núp |
| 75 | Đinh Thị Liêu    | Làng Groi, xã Kông Bơ La               | Đại học Quy Nhơn   | 22,9  | Trường THPT Anh Hùng Núp |
| 76 | Đinh Ngọc Huân   | Làng Groi, xã Kông Bơ La               | Đại học Đà Lạt     | 22,85 | Trường THPT Anh Hùng Núp |
| 77 | Đinh Nhi         | Làng Lọt, xã Nghĩa An                  | Đại học Tây Nguyên | 22,5  | Trường THPT Anh Hùng Núp |
| 78 | Đinh Thị Thoát   | Làng Kjang, xã Kông Long Khong         | Đại học Đà Lạt     | 22    | Trường THPT Anh Hùng Núp |
| 79 | Đinh Viện        | Làng Lọt, xã Kông Bơ La                | Đại học Tây Nguyên | 18    | Trường THPT Anh Hùng Núp |
| 80 | Đinh Văn Nguyễn  | Làng Mơ H'Ra - Đap, xã Kông Long Khong | Đại học Quy Nhơn   | 18    | Trường THPT Anh Hùng Núp |
| 81 | Đinh Thị Chanh   | Làng Lọt, xã Kông Bơ La                | Đại học Quy Nhơn   | 14,75 | Trường THPT Anh Hùng Núp |
| 82 | Đinh Thị Mị      | Thôn 3, xã Kông Bơ La                  | Đại học Quy Nhơn   | 14    | Trường THPT Anh Hùng Núp |
| 83 | Đinh Hun         | Làng Lọt, xã Kông Bơ La                | Đại học Quy Nhơn   | 13    | Trường THPT Anh Hùng Núp |
| 84 | Đinh Thị An      | Làng Muôn, xã Kông Bơ La               | Đại học Quy Nhơn   | 12,75 | Trường THPT Anh Hùng Núp |

Danh sách này gồm: 84 cá nhân